

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 07/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28204951038	Lê Hà Kiều	Anh	28/05/2004	Ninh Bình	31CSC7	8.3	6.8	Đạt	
2	28207230884	Phạm Trần Ngọc	Ánh	03/04/2004	Bình Định	31CYC7	7.7	7.3	Đạt	
3	28204601698	Đào Đoàn Nguyên	Bảo	03/02/2004	Hà Tĩnh	31CSC6	V	6.0	Không Đạt	
4	27217101741	Nguyễn Phúc Sơn	Ca	20/08/2003	Đắk Lắk	31CYC7	8.3	6.8	Đạt	
5	28212320014	Cái Viết	Cung	18/05/2004	Quảng Trị	31TSC11	6.7	8.5	Đạt	
6	28212352728	Nguyễn Thành	Đạt	16/04/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	7.7	8.0	Đạt	
7	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn	Đạt	01/05/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.0	2.5	Không Đạt	
8	28214552805	Nguyễn Việt Quốc	Đạt	09/08/2004	Đà Nẵng	31TSC11	9.0	9.0	Đạt	
9	28212300010	Trịnh Hồ Tiến	Đạt	11/07/2004	Quảng Nam	31TSC11	9.0	7.5	Đạt	
10	28208135643	Đặng Thị	Diễm	26/10/2004	Quảng Nam	31CYC7	8.0	5.5	Đạt	
11	28204946263	Nguyễn Thị	Điệp	03/04/2004	Quảng Trị	31CSC7	6.7	5.3	Đạt	
12	28212349679	Hồ Lê Hữu	Đức	01/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	4.0	4.0	Không Đạt	
13	28212335420	Bùi Văn	Đức	13/02/2004	Nghệ An	31CSC7	6.0	5.3	Đạt	
14	28208101754	Phạm Thị Thùy	Dương	13/07/2004	Quảng Nam	31CYC7	5.7	6.3	Đạt	
15	28206501876	Huỳnh Thị Ly	Duyên	23/07/2004	Đà Nẵng	31CYC7	8.3	6.3	Đạt	
16	28204953013	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/06/2004	Gia Lai	31CSC7	6.7	7.3	Đạt	
17	28206702044	Trần Thị Mỹ	Duyên	15/08/2004	Quảng Nam	31TSC11	9.3	9.3	Đạt	
18	28206542514	Trần Thị Thu	Hà	04/05/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.7	5.8	Đạt	
19	28212349651	Nguyễn Đức	Hải	19/03/2004	Gia Lai	31CSC7	7.7	7.3	Đạt	
20	28203503022	Phan Gia	Hân	14/03/2004	Bình Định	31TBN2	5.0	2.5	Không Đạt	
21	27202240585	Trần Thanh	Hằng	05/10/2003	Quảng Nam	31CSC7	V	V	Không Đạt	
22	28217538423	Ngô Duy	Hậu	28/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	5.0	6.5	Đạt	
23	28206232346	Trần Thị Diệu	Hiền	08/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	6.3	9.3	Đạt	
24	28217431670	Phan Thanh	Hiếu	30/06/2004	Đà Nẵng	31CSC7	7.7	8.8	Đạt	
25	28212305354	Lê Thanh	Hoàn	16/10/2002	Lâm Đồng	31TSC11	3.3	5.0	Không Đạt	
26	28212302243	Phạm Duy	Hoàng	12/07/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	5.7	4.3	Không Đạt	
27	28212306404	Lê Phạm Việt	Hung	10/11/2004	Đắk Lắk	31TSC11	4.0	8.3	Không Đạt	
28	28208240368	Hồ Thị Thu	Hương	27/12/2004	Quảng Nam	31CSC7	8.7	6.3	Đạt	
29	28204625678	Huỳnh Thị Mỹ	Hương	09/11/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.0	7.8	Đạt	
30	28207101979	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	04/12/2004	Khánh Hòa	31CYC7	5.7	5.0	Đạt	
31	28212304058	Cao Hữu Đan	Huy	10/11/2004	Đắk Lắk	31TSC11	5.3	5.3	Đạt	
32	28212350192	Lê Tà Gia	Huy	23/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	6.0	4.1	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28212304135	Nguyễn Văn Huy	16/08/2004	Đà Nẵng	31CSC7	6.3	6.3	Đạt	
34	28207131883	Đinh Thụy Khánh Huyền	03/11/2004	Đà Nẵng	31CSC7	4.7	1.5	Không Đạt	
35	28206237453	Lê Khánh Huyền	29/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	9.0	7.3	Đạt	
36	28212304616	Võ Đăng Kha	27/11/2004	Quảng Ngãi	31TSC11	7.7	5.0	Đạt	
37	27214720590	Đặng Nam Khánh	14/05/2003	Quảng Nam	31CYC7	6.0	4.0	Không Đạt	
38	28212354222	Nguyễn Ngọc Trường Khánh	02/09/2004	Đà Nẵng	31CYC7	7.0	8.8	Đạt	
39	28218136340	Lương Văn Khoa	10/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	6.0	3.8	Không Đạt	
40	27212233480	Trần Công Khoa	23/09/2003	Quảng Nam	31CSC7	6.7	8.0	Đạt	
41	28212353238	Đoàn Đức Kiệt	30/03/2004	Đà Nẵng	31TSC11	9.0	8.0	Đạt	
42	28207104461	Trần Thị Lanh	25/12/2004	Phú Yên	31CYC7	9.3	5.3	Đạt	
43	0703937643	Nguyễn Đoàn Thị Liên	13/09/2004	Đà Nẵng	31TSC11	6.0	7.0	Đạt	
44	29208155847	Đinh Ngọc Linh	30/07/2005	Quảng Nam	31TSC11	5.7	7.0	Đạt	
45	30204826605	Văn Nguyễn Thảo Linh	30/09/2003	Đà Nẵng	31TSC11	8.7	9.3	Đạt	
46	28205205446	Nguyễn Ngọc Dạ Ly	10/06/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.0	6.0	Đạt	
47	28205153649	Nguyễn Thị Lý	27/12/2004	Lâm Đồng	31CSC7	9.0	10.0	Đạt	
48	28218100768	Huỳnh Nguyễn Khánh Mai	08/10/2004	Quảng Nam	31CYC7	6.3	5.0	Đạt	
49	28207505095	Lê Thị Thanh My	07/05/2004	Bình Định	31TSC11	8.3	9.5	Đạt	
50	28204651620	Võ Thị Diễm My	17/04/2004	Quảng Nam	31CYC7	7.0	3.3	Không Đạt	
51	27211201896	Ngô Tấn Ngân	01/06/2003	Đà Nẵng	31TSC9	7.3	8.0	Đạt	
52	28204103463	Trần Tích Ngân	19/07/2001	Đà Nẵng	31CYC7	9.0	6.0	Đạt	
53	28208027475	Võ Trần Phúc Ngân	28/07/2004	Đà Nẵng	31CYC7	9.0	6.0	Đạt	
54	27212201532	Võ Như Nghĩa	22/11/2003	Hà Tây	31TSC11	6.7	5.5	Đạt	
55	28206203484	Ksor Ngoại	18/01/2004	Gia Lai	31TSC11	8.3	4.3	Không Đạt	
56	28205203006	Ksor Nguyễn Bảo Ngọc	09/10/2004	Gia Lai	31CYC7	8.7	5.5	Đạt	
57	28206653492	Trần Thị Mỹ Nguyên	08/12/2004	Bình Định	31CSC7	10.0	8.5	Đạt	
58	28214550663	Trần Phước Nhất	29/09/2004	Quảng Nam	31TSC11	9.3	7.5	Đạt	
59	28204603963	Nguyễn Thị Hoài Nhi	17/05/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.0	7.0	Đạt	
60	27202134279	Trần Yến Nhi	25/10/2003	Quảng Nam	31TBN2	4.3	8.3	Không Đạt	
61	28204902443	Lê Thị Thúy Oanh	27/06/2004	Đắk Lắk	31CSC7	6.3	7.3	Đạt	
62	28208147568	Lê Thị Hồng Phần	15/11/2003	Phú Yên	31THT11	6.3	6.3	Đạt	
63	28214331860	Đinh Văn Tấn Phúc	17/09/2004	Đà Nẵng	31CSC7	7.0	8.0	Đạt	
64	28214523704	Trần Hồng Phúc	18/10/2000	Quảng Ngãi	31TSC11	6.3	8.0	Đạt	
65	28214652661	Trương Công Phúc	16/02/2004	Đà Nẵng	31THT3	6.3	5.8	Đạt	
66	29205059841	Lê Hoài Anh Phương	23/11/2005	Gia Lai	31CSC7	8.7	9.8	Đạt	
67	28205128372	Nguyễn Hà Phương	08/03/2004	Đà Nẵng	31CSC7	8.7	9.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28212305181	Nguyễn Đức Trung	Quân	28/11/2004	Gia Lai	31TSC11	8.7	10.0	Đạt	
69	27202140068	Chu Diễm	Quỳnh	18/05/2003	Phú Thọ	31TBN2	3.0	6.0	Không Đạt	
70	28204602035	Phạm Thị Thanh	Tâm	04/02/2004	Đắk Lắk	31TSC11	5.0	5.8	Đạt	
71	28218006044	Phạm Minh	Tây	13/06/2004	Quảng Nam	31SBN6	3.3	5.5	Không Đạt	
72	28213780316	Nguyễn Đắc	Thắng	21/10/2003	Quảng Trị	31TSC11	7.3	7.3	Đạt	
73	27211502361	Nguyễn Văn Quốc	Thắng	05/11/2003	Đà Nẵng	31TSC11	6.7	5.8	Đạt	
74	28204602490	Đinh Thị Thu	Thảo	22/08/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.7	8.5	Đạt	
75	28206606140	Nguyễn Thạch	Thảo	24/05/2001	Hà Nội	31CSC7	9.3	8.0	Đạt	
76	28206747114	Hồ Anh	Thơ	19/04/2004	Bình Định	31TSC11	9.0	5.8	Đạt	
77	28208127286	Trương Thị Thanh	Thúy	14/02/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.0	8.5	Đạt	
78	28209348409	Nguyễn Phạm Thu	Thúy	04/06/2004	Kon Tum	31TSC11	8.3	8.5	Đạt	
79	28204353106	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	17/04/2004	Quảng Nam	31TSC11	6.3	7.3	Đạt	
80	28207151457	Lương Thị Thanh	Tiền	25/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	3.0	2.3	Không Đạt	
81	28218004318	Ngô Trọng	Tín	01/12/2004	Đà Nẵng	31TSC11	7.0	6.3	Đạt	
82	28212346137	Nguyễn Quốc	Tĩnh	26/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	5.3	5.3	Đạt	
83	27207643283	Huỳnh Vũ Huyền	Trân	07/11/2003	Lâm Đồng	31TSC11	6.7	8.8	Đạt	
84	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trân	08/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	5.7	5.8	Đạt	
85	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	25/10/2004	Quảng Bình	31TSC9	6.0	5.3	Đạt	
86	28206703639	Nguyễn Ngọc	Trình	25/08/2004	Bình Định	31CYC7	7.7	6.3	Đạt	
87	29206248194	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	21/09/2005	Quảng Nam	31CSC7	8.7	9.5	Đạt	
88	29206731814	Thái Thị Thanh	Trúc	21/10/2005	Quảng Trị	31CSC7	9.0	5.3	Đạt	
89	28212302227	Nguyễn Thanh	Tuấn	27/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC11	8.7	7.3	Đạt	
90	28212703876	Hoàng Văn	Tùng	28/03/2004	Gia Lai	31CBN6	5.0	6.0	Đạt	
91	28206752710	Nguyễn Phạm Nhật	Vi	26/11/2004	Quảng Nam	31TSC11	V	V	Không Đạt	
92	28214724190	Nguyễn Quang	Vũ	09/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	5.0	3.5	Không Đạt	
93	28208004333	Lê Thị Hồng	Yến	30/10/2004	Lâm Đồng	31TSC11	6.3	7.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh